

Số: *M6*/KH-THMT

Minh Thành, ngày 10 tháng 10 năm 2020

KẾ HOẠCH

Thu chi các khoản thu trong nhà trường Năm học 2020 – 2021

Kính gửi: - Ủy ban nhân dân phường Minh Thành
- Phòng GD & ĐT thị xã Quảng Yên

Thực hiện công văn số 2422/SGDĐT-KHTC ngày 16/9/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh về việc hướng dẫn thực hiện các khoản thu trong các cơ sở giáo dục năm học 2020-2021;

Thực hiện theo thông báo số 622/TB-PGD - ĐT ngày 22/09/2020 của Phòng GD & ĐT thị xã Quảng Yên về kết quả thẩm định dự toán thu chi các khoản thu năm học 2020-2021 của Trường Tiểu học Minh Thành.

Trường TH Minh Thành “*lập kế hoạch và xin phê duyệt kế hoạch các khoản thu trong năm học 2020 – 2021*” như sau:

I. Các khoản thu theo quy định

1. Bảo hiểm y tế

Căn cứ theo Công văn số 402/BHXH- BPT ngày 31/8/2020 của BHXH thị xã Quảng Yên triển khai thực hiện bảo hiểm y tế học sinh, sinh viên năm học 2020-2021

*** Đối với học sinh lớp 1:**

- Thời hạn sử dụng thẻ BHYT: 01/10/2020 đến 31/12/2020

- Mức thu:

+ Học sinh không thuộc các hộ gia đình nông, lâm, ngư, diêm nghiệp có mức sống trung bình, mức đóng BHYT 03 tháng: mức lương cơ sở x 4,5% x x 70% x 3 tháng = 140.805 đồng;

Học sinh đóng BHYT 02 tháng: mức lương cơ sở x 4,5% x 70% x 2 tháng = 93.870 đồng

Học sinh đóng BHYT 01 tháng: mức lương cơ sở x 4,5% x x 70% x 1 tháng = 46.935 đồng

+ Đối với học sinh thuộc các hộ gia đình nông, lâm, ngư, diêm nghiệp có mức sống trung bình, mức đóng BHYT 03 tháng: mức lương cơ sở x 4,5% x x 20% x 3 tháng = 40.030 đồng;

Học sinh đóng BHYT 02 tháng: mức lương cơ sở x 4,5% x 20% x 2 tháng = 26.820 đồng

Học sinh đóng BHYT 01 tháng: mức lương cơ sở x 4,5% x x 20% x 1 tháng = 13.410 đồng

*** Đối với học sinh lớp 2 đến lớp 5:**

- Thời hạn sử dụng thẻ BHYT: 01/01/2021 đến 31/12/2021

- Mức thu:

+ Đối với học sinh không thuộc các hộ gia đình nông, lâm, ngư, diêm nghiệp có mức sống trung bình, mức đóng BHYT học sinh/năm: mức lương cơ sở x 4,5% x 70% x 12 tháng = 563.220 đồng

+ Đối với học sinh thuộc các hộ gia đình nông, lâm, ngư, diêm nghiệp có mức sống trung bình, mức đóng BHYT học sinh/năm: mức lương cơ sở x 4,5% x 20% x 12 tháng = 160.920 đồng.

+ Phương án thu: 02 lần, lần đầu thu học sinh lớp 1 thời gian từ ngày 16/09/2020 đến ngày 18/09/2020; lần 2 thu 12 tháng (đối với học sinh còn lại) vào thời gian từ ngày 01/12/2020 đến ngày 20/12/2020)

II. Khoản thu theo thỏa thuận

1. Tiền nước uống

Sĩ số học sinh năm học 2020-2021: 1.040 học sinh

1. Tổng số lượng nước tiêu thụ trong năm học 2019-2020: 64.127 lít/1.023 hs
(tương đương 3.393 bình loại 18,9 lít/ bình)

2. Dự kiến số lượng nước tiêu thụ năm học 2020-2021 như sau:

- Số lượng nước tiêu thụ của 01 học sinh uống trong 1 tháng:

0,325 lít/hs/ngày x 26 ngày/tháng = 8,45 lít/tháng/học sinh

- Số lượng nước tiêu thụ trong năm học của cả trường:

8,45 lít/tháng/hs x 1.040 hs x 9 tháng = 79.092 lít (tương ứng là: 4.185 bình)

3. Số tiền trả cho bên cung cấp nước:

4.185 bình x 22.000 đ/bình = 92.064.762 đồng

4. Tiền thuê người quản lý và vận chuyển nước:

1.550.000 đ/tháng x 9 tháng = 13.950.000 đồng

(Khu Trung tâm 1.100.000đ/ tháng, Khu Quỳnh Phú: 120.000đ/ tháng

Khu Động Linh 165.000đ/ tháng, Khu Yên Lập 165.000đ/ tháng)

5. Tiền mua ca, cốc, giá đựng (bao gồm cả phòng học bộ môn chức năng)
 $39 \text{ lớp} \times 150.000 \text{ đ/lớp} = 5.850.000 \text{ đồng}$

6. Dự năm trước chuyển sang: 0 đồng

Cộng số tiền chi cho khoản thu nước uống toàn trường là: 111.864.762 đồng

Chia bình quân trên một học sinh: $111.864.762 \text{ đồng} : 1.040 \text{ hs} = 107.562 \text{ đ/hs}$

Như vậy, định mức thu tiền nước uống 1 học sinh là: 108.000 đ/hs/năm học
(tương đương 12.000đ/ tháng)

Phương án thu: thu 01 lần, vào đầu năm học

Trường TH Minh Thành thỏa thuận thống nhất Hội CMHS Hợp đồng mua nước uống đóng bình của cơ sở sản nước uống đóng chai và nước đá dùng liền Lê Công Nghĩa địa chỉ Số 228 Trần Khánh Dư - P.Quảng Yên - Tx.Quảng Yên - T.Quảng Ninh.

2. Tiền vệ sinh:

Sĩ số học sinh năm học 2020-2021: 1.040 học sinh Tổng số lượng giấy vệ sinh tiêu thụ trong năm học 2019-2020: 723 bịch giấy/1.023 hs

(tương đương 7.230 cuộn loại 10 cuộn/ bịch)

1. Dự kiến số lượng giấy vệ sinh tiêu thụ năm học 2020-2021 như sau:

- Số lượng giấy vệ sinh tiêu thụ của 01 học sinh trong 1 tháng:

$$0,025 \text{ cuộn/hs/ngày} \times 26 \text{ ngày/tháng} = 0,65 \text{ cuộn/tháng/học sinh}$$

(tương đương 0,7 hs/ cuộn/ tháng)

- Số lượng giấy vệ sinh tiêu thụ trong năm học của cả trường:

$$0,7 \text{ cuộn/tháng/hs} \times 1.040 \text{ hs} \times 9 \text{ tháng} = 6.552 \text{ cuộn}$$

(tương ứng là: 655 bịch giấy vệ sinh loại 10 cuộn/ bịch)

2. Số tiền mua giấy vệ sinh:

$$655 \text{ bịch} \times 50.000 \text{ đ/bịch} = 32.760.000 \text{ đồng}$$

3. Tiền thuê lao công dọn vệ sinh lớp học, dọn nhà vệ sinh chung:

$$6.800.000 \text{ đồng/ tháng} \times 09 \text{ tháng/ năm học} = 61.200.000 \text{ đồng}$$

cụ thể như sau:

Khu trung tâm: $02 \text{ người} \times 2.000.000 \text{ đ/ người} = 4.000.000 \text{ đồng/ tháng}$

Khu Quỳnh Phú: $01 \text{ người} \times 800.000 \text{ đ/ người} = 800.000 \text{ đồng/ tháng}$

Khu Động Linh: $01 \text{ người} \times 1.000.000 \text{ đ/ người} = 1.000.000 \text{ đồng/ tháng}$

Khu Yên Lập: $01 \text{ người} \times 1.000.000 \text{ đ/ người} = 1.000.000 \text{ đ/ tháng}$

Cộng số tiền chi cho khoản thu tiền vệ sinh toàn trường là: 93.960.000 đồng

Chia bình quân trên một học sinh: $93.960.000 \text{ đồng} : 1.040 \text{ hs} = 90.346 \text{ đ/hs}$



Như vậy, định mức thu tiền vệ sinh 1 học sinh là: 90.000 đ/hs/năm học
(tương đương 10.000đ/ tháng)

Phương án thu: thu 01 lần, vào đầu năm học

III. Các khoản thu dịch vụ:

1. Học phí giáo dục kỹ năng sống.

- Thực hiện vào đề án chương trình giảng dạy Kỹ năng sống cho học sinh ngoài giờ chính khóa của Trường TH Minh Thành năm học 2020-2021 đã được Phòng GD &ĐT thị xã phê duyệt tại thông báo số 498/ TB-PGD&ĐT ngày 26/08/2020.

- Thực hiện thông tư số 04/2014/TT-BGD&ĐT ngày 28/02/2014 về việc quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa;

- Thực hiện công văn số 1636/SGD&ĐT GDTH ngày 14/07/2014 của SGD&ĐT Quảng Ninh về việc triển khai thực hiện TT số 04/2014/TT-BGD&ĐT ngày 28/02/2014 của Bộ giáo dục và Đào tạo

- Phụ huynh học sinh các lớp đăng ký tự nguyện số học sinh học, nhà trường căn cứ vào số học sinh đăng ký phối hợp với Công ty cổ phần giáo dục sáng tạo Hạ Long địa chỉ số 16B, đường Lê Thánh Tông, phường Hồng Gai, TP Hạ Long, Quảng Ninh, dạy kỹ năng sống cho học sinh triển khai đảm bảo theo quy định. Thực hiện dạy thêm ngoài giờ chính khóa cho học sinh khối 1,2,3,4,5.

(Nhà trường đề nghị nhà đầu tư miễn, giảm cho HS khuyết tật; con hộ nghèo, cận nghèo, con mồ côi cả cha lẫn mẹ....)

Mức thu: 60.000đ/ tháng (đã bao gồm thuế 10%)

Dự kiến số học sinh học : 1000 hs

Dự kiến số tiền thu được: 60.000 x 1.000 h/s = 60.000.000 đ

Chi trả 70% tổng thu cho Công Ty CPGD sáng tạo Hạ Long: **42.000.000 đ**

Chi 30% tổng thu cho các hoạt động tại trường: **18.000.000 đ**

Trong đó

+ Chi cho GVCN lớp 7.376.000 đ

GVCN (trên 30 hs): 24 người x 40.000đ/ giờ x 1,5 giờ/ tuần x 4 tuần/ tháng
= 5.760.000đ

GVCN lớp (trên 25 hs): 2 người x 40.000đ/ giờ x 1,2 giờ/ tuần x 4 tuần/ tháng
= 384.000đ

GVCN(trên 20 hs): 04 người x 40.000đ/ giờ x 1 giờ/ tuần x 4 tuần/ tháng
= 640.000đ

GVCN (dưới 20 hs): 4 người x 40.000đ/ giờ x 0,8 giờ/ tuần x 4 tuần/ tháng = 512.000đ

GVCN (dưới 15 hs): 1 người x 40.000đ/ giờ x 0,5 giờ/ tuần x 4 tuần/ tháng = 80.000đ
+ Chi cho quản lý trường: 4.920.000 đ

Hiệu trưởng: 1 người x 75.000đ/ giờ x 6 giờ/ tuần x 4 tuần/ tháng = 1.680.000đ

Phó hiệu trưởng: 2 người x 60.000đ/ giờ x 3 giờ/ tuần x 4 tuần/ tháng = 1.440.000đ

Kế toán: 1 người x 50.000đ/ giờ x 6 giờ/ tuần x 4 tuần/ tháng = 1.200.000đ/ tháng

Thủ quỹ : 1 người x 50.000 giờ x 3 giờ/ tuần x 4 tuần/ tháng = 600.000đ/ tháng

Chi vệ sinh phòng học 36 lớp 04 điểm trường: 1.500.000 đồng

Trong đó: Khu Trung Tâm 950.000đ, điểm trường Quỳnh Phú 150.000đ. điểm trường Động Linh 200.000đ, điểm trường Yên Lập 200.000đ

Chi các hoạt động ngoại khóa, bồi dưỡng chuyên môn,CSVC.....: 4.204.000 đồng

Phương án thu: thu theo học kỳ

Kỳ 1 thu: 60.000đ/ tháng x 4 tháng = 240.000 đồng ;

Kỳ 2 thu : 60.000đ/ tháng x 5 tháng = 300.000 đồng

2. Học phí Tiếng anh Phonics.

- Thực hiện đề án chương trình giảng dạy Tiếng anh phonics cho học sinh khối 1,2 khu Trung Tâm học ngoài giờ chính khóa của Trường TH Minh Thành năm học 2020-2021.

- Thực hiện công văn số 1636/SGD&ĐT GDTH ngày 14/07/2014 của SGD&ĐT Quảng Ninh về việc triển khai thực hiện TT số 04/2014/TT-BGD&ĐT ngày 28/02/2014 của Bộ giáo dục và Đào tạo

- Phụ huynh học sinh các lớp đăng ký tự nguyện số học sinh học, nhà trường căn cứ vào số học sinh đăng ký phối hợp với Công ty cổ phần phát triển giáo dục Việt Nam – VPBOX địa chỉ biệt thự G2- Làng quốc tế Thăng Long, Cầu Giấy , TP Hà Nội dạy tiếng anh Phonics cho học sinh triển khai đảm bảo theo quy định.

Thực hiện dạy thêm ngoài giờ chính khóa cho học sinh khối 1,2 tại điểm trường Trung Tâm giảng dạy 1 tiết/ tuần x 4 tuần/ tháng = 4 tiết/ tháng với mức thu: 70.000đ/hs/ tháng (đã bao gồm thuế 10%)

(Nhà trường đề nghị nhà đầu tư miễn, giảm cho HS con hộ nghèo,cận nghèo con mồ côi cả cha lẫn mẹ....)

Mức thu: 70.000đ/ tháng (đã bao gồm thuế 10%)

STAU
TRƯỜNG
TIỂU HỌC
MINH THÀNH
* H

Dự kiến số học sinh học : 300 hs

Dự kiến số tiền thu được: $70.000 \times 300 \text{ h/s} = 21.000.000 \text{ đ}$

Chi trả 73% tổng thu cho Công Ty CPPTGD Việt Nam - VPBOX: **15.330.000 đ**

Chi 27% tổng thu cho các hoạt động tại trường: **5.670.000 đ**

Trong đó

+ Chi cho GVCN lớp: 2.400.000

GVCN: $10 \text{ người} \times 40.000\text{đ/ giờ} \times 1,5 \text{ giờ/ tuần} \times 4 \text{ tuần/ tháng} = 2.400.000\text{đ}$

+ Chi cho quản lý trường: 2.400.000

Hiệu trưởng: $1 \text{ người} \times 65.000\text{đ/ giờ} \times 3 \text{ giờ/ tuần} \times 4 \text{ tuần/ tháng} = 780.000\text{đ}$

Phó hiệu trưởng: $2 \text{ người} \times 60.000\text{đ/ giờ} \times 1,5 \text{ giờ/ tuần} \times 4 \text{ tuần/ tháng} = 720.000\text{đ}$

Kế toán: $1 \text{ người} \times 50.000\text{đ/ giờ} \times 3 \text{ giờ/ tuần} \times 4 \text{ tuần/ tháng} = 600.000\text{đ/ tháng}$

Thủ quỹ : $1 \text{ người} \times 50.000 \text{ giờ} \times 1,5 \text{ giờ/ tuần} \times 4 \text{ tuần/ tháng} = 300.000\text{đ/ tháng}$

Chi vệ sinh phòng học: 370.000 đồng/ tháng

Chi sửa chữa, bảo dưỡng thay thế các thiết bị (máy tính, máy chiếu đa năng, loa...)
= 500.000 đồng/ tháng

Phương án thu: thu theo học kỳ

Kỳ 1 thu: $70.000\text{đ/ tháng} \times 4 \text{ tháng} = 280.000 \text{ đồng} ;$

Kỳ 2 thu : $70.000\text{đ/ tháng} \times 5 \text{ tháng} = 350.000 \text{ đồng}$

IV- Khoản thu tự nguyện:

2 Đối với kinh phí hoạt động của Ban đại diện CMHS

Thực hiện theo quy định tại điều 10 của Điều lệ Ban đại diện CMHS(ban hành theo thông tư 55/2011/TT-BGHĐT ngày 22/11/2011 của Bộ trưởng bộ GD&ĐT)

Không ấn định mức thu, không quy định mức kinh phí đóng góp, ủng hộ bình quân

Ban ĐDCMHS các lớp vận động phụ huynh trong lớp tự nguyện ủng hộ quỹ CMHS lớp.

Sau khi hoàn thành việc huy động phụ huynh trong lớp thống nhất trích một phần kinh phí của Ban đại diện CMHS các lớp về cho ban ĐDCMHS trường hoạt động

V. Nguyên tắc thu-chi :

Đảm bảo nguyên tắc thu đủ bù chi, đảm bảo công khai.

Thực hiện hạch toán thu chi theo đúng các quy định tài chính hiện hành.

Nếu có sự biến động tăng giảm số lượng học sinh tham gia các khoản thu theo thỏa thuận, nhà trường cùng với Ban đại diện CMHS sẽ có sự điều chỉnh phù hợp bằng văn bản và thống nhất công khai tới toàn thể hội CMHS toàn trường

VI/Tổ chức thực hiện :

Mỗi năm học nhà trường có trách nhiệm quyết toán công khai các khoản thu trước cha mẹ học sinh vào cuộc họp phụ huynh học sinh các lớp cuối năm học.


Kế hoạch thu – chi các khoản thu năm học 2020-2021 được thông qua Hội đồng nhà trường, Hội cha mẹ học sinh toàn trường và trình xin phê duyệt UBND phường Minh Thành.

**PHÊ DUYỆT CỦA UBND
PHƯỜNG MINH THÀNH**

TM. UBND PHƯỜNG MINH THÀNH
CHỦ TỊCH

Phạm Văn Lưu

**BAN ĐẠI DIỆN
CHA MẸ HỌC SINH**


Đào Quang Báo

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Thị Thu Nga

Ngô Thị Thu Nga

The City of...

THE CITY OF...

